TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 29-9-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Nguyễn Xuân Lãm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; xin vắng mặt.

Chị T, anh N trú cùng địa chỉ: Ấp AK, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh N chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện TB. Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân do chị nghi ngờ anh N có tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 02-2017 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên: Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày 03-11-2007 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 10-02-2014 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con chung, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Nhận thấy, anh N thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc. Nay anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thảo A và cháu Nguyễn Minh B. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 03-11-2007 và cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 10-02-2014. Buộc anh N cấp dưỡng nuôi cháu A, cháu B theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 02-2017 đến nay. Nguyên nhân là do

mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, chị T mất lòng tin với N về chuyện tình cảm. Nay chị T yêu cầu ly hôn và anh N cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị T và anh N thuận tình ly hôn nhưng anh N vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 03-11-2007 và cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 10-02-2014 đang sống với chị T. Chị T có yêu cầu nuôi cháu A, cháu B; cháu A cũng có nguyện vọng theo sống với chị T. Anh N không có yêu cầu nuôi con. Xét thấy, hiện tại các cháu vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, các cháu được đến trường để học tập như những trẻ em khác. Qua đó, cho thấy chị T có đủ điều kiện để nuôi 02 người con chung. Vì vậy, có cơ sở giao chị T tiếp tục nuôi cháu A, cháu B là phù hợp với với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng/cháu là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, mức yêu cầu của chị T có phần cao so với thu nhập của anh N. Vì vậy, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại và buộc anh N cấp dưỡng nuôi cháu A, cháu B mỗi tháng số tiền 700.000 đồng/cháu là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 03-11-2007 và cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 10-02-2014.

Buộc anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 03-11-2007 và cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 10-02-2014 mỗi tháng số tiền 700.000 đồng/cháu kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu A, cháu B đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008721 ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã PC;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Ngọc Đững